

Bản án số: 14/2018/HS-PT
Ngày 02-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng.

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Huy Toàn;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cơ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 197/2017/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh B, Trần Minh D và Nguyễn Cao T. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 230/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T.

Họ và tên các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Số X, khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 146/2015/HS-ST ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 525/2015/HS-ST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 98/2015/HS-ST ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 49/2015/HS-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”; hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù của bản án khác; có mặt.

2. Trần Minh D, sinh năm 1998 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T1, sinh năm 1971 và bà Thi Thị Xuân T2, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 146/2015/HS-ST ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 525/2015/HS-ST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 98/2015/HS-ST ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 49/2015/HS-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”; hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù của bản án khác; có mặt.

3. Nguyễn Cao T, sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Số X, khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 146/2015/HS-ST ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm 08 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 525/2015/HS-ST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 49/2015/HSST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù của bản án khác; có mặt.

Họ và tên các bị cáo không có kháng cáo:

1. Hồ Mạnh H, sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Số M, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Kim T3, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị Kim C1, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 146/2015/HS-ST ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”; hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù của bản án khác; có mặt.

2. Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố Z, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị H1, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 146/2015/HS-ST ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 525/2015/HS-ST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 98/2015/HS-ST ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 49/2015/HS-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Dương xử phạt 08

năm tù về tội “Cướp tài sản”; hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù của bản án khác; có mặt.

Bị hại: Lương Tuấn K, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số X, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số X, khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- Ông Trần Quang C2; nơi cư trú: Khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Tô Hoàng L; nơi cư trú: Ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh B và Nguyễn Cao T là anh em ruột cùng chơi chung với Nguyễn Thành Đ, Trần Minh D và Hồ Mạnh H. Khoảng 22 giờ ngày 04/3/2015 khi cả nhóm đi chơi cùng với nhau tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì B lên tiếng rủ cả nhóm đi cướp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì cả nhóm đồng ý. Thực hiện ý định trên, B chuẩn bị 01 bình xịt hơi cay, D mang theo 01 cây mã tấu, H mang theo 01 roi điện. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô màu xanh (không xác định được biển số) chở H, T điều khiển xe mô tô màu đỏ (không xác định được biển số) chở D và B đi từ thành phố B đến thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 01 giờ ngày 05/3/2015, các bị cáo đi đến đoạn đường thuộc khu phố T, phường A, thị xã T thì phát hiện ông Lương Tuấn K điều khiển xe mô tô EXCITER biển số 59Y2-446.X chạy một mình phía trước. Lúc này, T điều khiển xe vượt lên ép xe ông K vào lề đường. Cùng lúc này B dùng bình hơi cay xịt vào mặt ông K làm ông K bị cay mắt nên bỏ xe ngã xuống đường, rồi ngồi xuống đất dùng tay che mặt, D cầm mã tấu, H lấy roi điện ra net lửa đe dọa làm ông K hoảng sợ bỏ chạy. Thấy vậy, B đến dựng xe ông K lên rồi điều khiển xe của ông K và cùng cả nhóm về thành phố B. Ông K đến Công an phường A trình báo sự việc.

Sau khi cướp tài sản tại tỉnh Bình Dương, các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội ở Đồng Nai nên bị Công an tỉnh Đồng Nai bắt và thu giữ xe mô tô của ông K. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, Công an tỉnh Đồng Nai thông báo cho Công an thị xã T và chuyển toàn bộ hồ sơ, vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T để xử lý theo thẩm quyền.

Tại biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Txác định: Xe mô tô EXCITER biển số 59Y2-446.X trị giá 34.000.000 (ba mươi bốn triệu) đồng.

Tại Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1068/C54B ngày 31/3/2017 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Tổng Cục Cảnh sát xác định: Tại thời điểm giám định (tháng 3 năm 2017), Trần Minh D có sự phát triển về thể chất và hệ răng xương như người đã trưởng thành, có độ tuổi trên 19 năm.

Quá trình truy tố, các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thành Đ, Trần Minh D, Nguyễn Cao T thay đổi lời khai cho rằng Nguyễn Cao T không tham gia vụ cướp tài sản ngày 05/3/2015 tại khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 230/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Cao T và Trần Minh D phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 51 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Thanh B 09 (chín) năm tù, tổng hợp hình phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 146/2015/HS-ST ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai; 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 525/2015/HS-ST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai; 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 98/2015/HS-ST ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai; 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 49/2015/HS-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2015.

Xử phạt: Nguyễn Cao T 08 (tám) năm tù, tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm 08 (tám) tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 146/2015/HS-ST ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai; 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 525/2015/HS-ST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai; 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 49/2015/HS-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 24 (hai mươi bốn) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2015.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 51; Điều 53; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Trần Minh D 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 08 (tám) năm tù, bị cáo Hồ Mạnh H 07 (bảy) năm tù cùng về tội “Cướp tài sản”; tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2017, bị cáo Trần Minh D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Thanh B có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm vì không khách quan, mức án quá khắt khe, bị cáo bị ép cung; bị cáo Nguyễn Cao T có đơn kháng cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo T, D và B có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo đúng thời hạn luật định. Căn cứ vào lời khai của bị hại, người làm chứng và lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng: Các bị cáo D, T, B, Đ thay đổi lời khai cho rằng không có T tham gia cướp tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B thay đổi lời khai cho rằng bị cáo không tham gia cướp tài sản. Xét thấy, bản án sơ thẩm có những vi phạm về thủ tục tố tụng như: Xác định thời gian các bị cáo phạm tội tại thị xã T, tỉnh Bình Dương và huyện T1, tỉnh Đồng Nai có sự mâu thuẫn, lời khai của bị hại cũng có sự mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo về thời gian diễn ra sự việc; kết quả giám định pháp y về độ tuổi của bị cáo D thể hiện tại thời điểm giám định bị cáo trên 19 năm là chưa đủ cơ sở để xác định tuổi của bị cáo tại thời điểm phạm tội; hồ sơ vụ án thể hiện mẹ của bị cáo D là Thi Thị Xuân T2, Thi Thị Thu T2, cần điều tra làm rõ; tại phiên tòa, mẹ của bị cáo B và bị cáo B yêu cầu trung cầu giám định tâm thần đối với bị cáo B. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh B thay đổi kháng cáo với nội dung bị cáo không phạm tội; bị cáo Trần Minh D và bị cáo Nguyễn Cao T giữ nguyên kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Thanh B nói lời sau cùng: Yêu cầu tiến hành giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Minh D nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm vì bị cáo là người chưa thành niên tại thời điểm phạm tội, bị cáo T không tham gia cướp tài sản trong vụ án này.

Bị cáo Nguyễn Cao T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Cao T, Nguyễn Thanh B không thừa nhận hành vi phạm tội; các bị cáo Trần Minh D, Nguyễn Thành Đ và

Hồ Mạnh H thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo D, B, Đ khai bị cáo T không tham gia cướp tài sản của bị hại Lương Tuấn K vào ngày 05/3/2015 tại khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; bị cáo D, T, Đ khai bị cáo B có tham gia cướp tài sản; bị cáo H khai bị cáo T, B có tham gia cướp tài sản tại thị xã T.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2015 (bút lục số 12, 13), biên bản hỏi cung bị can ngày 25/9/2015 và ngày 28/5/2016 (bút lục số 56, 57, 125, 126), lời khai tại các phiên tòa sơ thẩm của bị cáo H; bản tự khai ngày 25/5/2015 (bút lục số 09), biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2015 (bút lục số 10, 11), biên bản hỏi cung bị can ngày 25/10/2015 và ngày 28/5/2016 (bút lục số 62, 63, 129) của bị cáo Đ; biên bản lấy khai ngày 23/4/2015 (bút lục số 14, 15), biên bản hỏi cung bị can ngày 24/9/2015 và ngày 28/5/2016 (bút lục số 60, 61, 131, 132) của bị cáo B; biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2015 (bút lục số 16, 17), biên bản hỏi cung bị can ngày 25/10/2015 và ngày 28/5/2016 (bút lục số 58, 59, 127, 128), biên bản tổng đạt cáo trạng ngày 21/7/2016 (bút lục số 161) của bị cáo D; biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2015 (bút lục số 18, 19), biên bản hỏi cung bị can ngày 24/9/2015 (bút lục số 64, 65) của bị cáo T thì các bị cáo đều khai nhận có bị cáo T, B tham gia cướp tài sản. Tuy nhiên, sau đó các bị cáo D, Đ, T, B thay đổi lời khai cho rằng bị cáo T không tham gia cướp tài sản. Như vậy, có sự mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo về việc có T tham gia cướp tài sản tại thị xã T hay không. Quá trình điều tra chỉ tiến hành đối chất giữa bị cáo H với bị cáo Đ, giữa bị cáo H với bị cáo T và giữa bị cáo D với bị cáo H mà không tiến hành đối chất giữa các bị cáo khác là điều tra chưa đầy đủ.

Tại đơn trình báo (bút lục số 02) và biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2015 (bút lục số 05, 06, 54, 251) và lời khai tại các phiên tòa sơ thẩm, bị hại K xác định có 05 người tham gia cướp tài sản của bị hại và chỉ có một người thanh niên nhà ở gần đó chứng kiến sự việc. Biên bản ghi lời khai của người làm chứng ông Đoàn Văn N (bút lục số 07) xác định biết được một số tình tiết của vụ án như: Có nhìn thấy 03 xe mô tô chạy qua, nghe bị hại tri hô cướp, tiếng nẹt của roi điện, thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và một số tình tiết khác, tuy nhiên cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ người thanh niên chứng kiến sự việc theo lời khai của ông K có phải là ông Đoàn Văn N hay không, chưa tiến hành lấy lời khai của người làm chứng ông Đoàn Văn N để xác định và làm rõ những tình tiết mà ông N biết liên quan đến vụ án là điều tra, xác minh chưa đầy đủ.

Mặt khác, các bị cáo thực hiện nhiều vụ cướp tài sản vào những thời gian khác nhau, ở những địa điểm khác nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D khai địa điểm cướp tài sản là đường đất, không có đèn đường; bị cáo H khai không nhớ chính xác địa điểm; bị hại K khai địa điểm cướp tài sản có đèn đường. Về hung khí các bị cáo sử dụng để gây án, quá trình điều tra ban đầu các bị cáo khai nhận roi điện và bình xịt hơi cay là do B chuẩn bị, tại biên bản phiên tòa ngày 20/02/2017, bị cáo B khai roi điện và bình xịt hơi cay là của H, tại biên bản hỏi

cung bị can ngày 30/3/2017 các bị cáo D, H, Đ đều xác định roi điện và bình xịt hơi cay là của H. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 27/10/2017, bị cáo H khai bình xịt hơi cay, roi điện là do B chuẩn bị, bị cáo D khai hung khí là do D và B chuẩn bị. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D khai không biết hung khí do ai chuẩn bị, bị cáo H khai H chuẩn bị roi điện, còn B chuẩn bị bình xịt hơi cay, D chuẩn bị mã tấu. Đồng thời, quá trình điều tra các bị cáo D, Đ, H khai B là người xịt hơi cay vào bị hại, H sử dụng roi điện, D sử dụng mã tấu, sau khi bị hại bỏ chạy thì B điều khiển xe của bị hại về tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B khai không tham gia cướp tài sản, bị cáo D khai D là người cầm mã tấu và bình xịt hơi cay vào bị hại, D là người lấy xe của bị hại và điều khiển xe về tỉnh Đồng Nai. Như vậy, có sự mâu thuẫn về địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, về người chuẩn bị hung khí, về diễn biến hành vi phạm tội, người sử dụng hung khí và người điều khiển xe của bị hại nhưng cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ. Cần tiến hành cho các bị cáo xác định địa điểm xảy ra vụ án, đối chất giữa các bị cáo với nhau về việc chuẩn bị và sử dụng hung khí cướp tài sản, giữa các bị cáo với bị hại về việc sử dụng hung khí để xác định đúng các tình tiết của vụ án.

Về thời gian các bị cáo thực hiện cướp tài sản của bị hại K: Tại Bản cáo trạng số 238/QĐ/KSĐT ngày 27/9/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T và Bản án hình sự sơ thẩm số 230/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T xác định thời gian các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là khoảng 01 giờ ngày 05/3/2015. Tuy nhiên, tại Kết luận điều tra bổ sung số 82/KLĐTBS-HS ngày 26/10/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T kết luận thời gian các bị can thực hiện hành vi phạm tội là khoảng 0 giờ 10 phút ngày 05/3/2015. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/10/2017, bị hại K khai thời gian xảy ra vụ cướp tài sản khoảng 00 giờ ngày 05/3/2015 (bút lục số 554), ông Đoàn Văn N khai thời gian xảy ra vụ án là khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/3/2015 (bút lục số 07). Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2015/HS-ST ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai (bản án đã có hiệu lực pháp luật) xác định thời gian các bị cáo cướp tài sản tại huyện T1 là khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/3/2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ khai cướp ở thị xã T vào khoảng 01 giờ, bị cáo H khai cướp tại thị xã T vào khoảng 01 giờ, cướp ở huyện T1 khoảng từ 02 giờ đến 02 giờ 30 phút, bị hại K xác định thời gian bị cướp vào khoảng hơn 0 giờ ngày 05/3/2015. Như vậy, có sự mâu thuẫn về thời gian thực hiện hành vi phạm tội, nên cần phải điều tra đối chất để làm rõ thời gian thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về lý lịch bị can D, Công văn số 1003/PV27 ngày 29/9/2015 của Công an tỉnh Đồng Nai xác định mẹ ruột của bị cáo D là Thi Thị Xuân T2, tuy nhiên tại danh bản của bị cáo thể hiện mẹ của bị cáo là Thi Thị Thu T2, tại thống kê tiền án, tiền sự của bị cáo D lập ngày 29/12/2015 của Công an tỉnh Đồng Nai thể hiện mẹ của bị cáo D tên Thy Thị Xuân T2, Thang Thị Xuân T2, tại thống kê tiền án, tiền sự của bị cáo D lập ngày 01/6/2016 của Công an tỉnh An Giang thể hiện mẹ của bị cáo D là Thy Thị Xuân T2, Thuy Thị Xuân T2, Thi Thị Xuân T2, Thy Thuy Xuân T2. Đồng thời, tại lý lịch bị can Trần Minh D, Công an xã V,

huyện T, tỉnh An Giang xác nhận đối với người có tên là Trần Minh V; tại các biên bản ghi lời khai, lời khai của bị cáo D tại phiên tòa và bản án sơ thẩm thể hiện bị cáo D không biết chữ, nhưng bản lý lịch bị can D và bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thị xã T thể hiện bị can D có trình độ học vấn 2/12 (bút lục số 68, 133). Như vậy, lý lịch của bị can có mâu thuẫn, không đảm bảo tính xác thực của lý lịch bị can. Cần điều tra xác minh để xác định đúng lý lịch của bị cáo D.

Về xác định độ tuổi của bị cáo Trần Minh D: Tại Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1068/C54B ngày 31/3/2017 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Tổng Cục Cảnh sát xác định: Tại thời điểm giám định (tháng 3 năm 2017), Trần Minh D có sự phát triển về thể chất và hệ răng xương như người đã trưởng thành, có độ tuổi trên 19 năm. Như vậy, chưa có cơ sở xác định tại thời điểm phạm tội (tháng 3 năm 2015) bị cáo D có độ tuổi bao nhiêu. Cần có văn bản yêu cầu cơ quan giám định giải thích rõ về kết luận giám định để có cơ sở giải quyết vụ án. Mặt khác, trong bản lý lịch bị can D (bút lục số 68, 133) thể hiện D có trình độ học vấn 2/12, biên bản xác minh ngày 21/7/2017 tại Công an xã V, huyện T2, tỉnh An Giang xác định bị cáo D không có đăng ký khai sinh, hộ khẩu, cha mẹ của bị cáo có đăng ký hộ khẩu nhưng đã bỏ đi, người thân của bị cáo không còn ai sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên, bị cáo có anh ruột là Trần Minh T4 hiện đang chấp hành án phạt tù. Cơ quan điều tra chưa tiến hành điều tra, xác minh bị cáo D có từng đi học hay không, chưa tiến hành xác minh đầy đủ và lấy lời khai của ông Trần Minh T4, sinh năm 1990 để có cơ sở xem xét đánh giá, xác định độ tuổi của bị cáo D. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi là chưa có căn cứ.

Quá trình xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị C (là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Thanh B) có đơn yêu cầu giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo B với lý do năm 2009 bị cáo B bị điện giật phải điều trị tại bệnh viện nên bị cáo thường có những biểu hiện đau đầu, chóng mặt, ngất xỉu, lên cơn co giật. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh B yêu cầu Hội đồng xét xử trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo. Đồng thời, tại Công văn số 55/PC81B ngày 23/01/2018 của Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương thể hiện trong quá trình bị tạm giam tại Trại Tạm giam bị cáo B luôn có biểu hiện rất mạnh động, chống đối quyết liệt, không ngừng kêu oan, cho rằng mình không phạm tội nhưng bị cơ quan tố tụng ngụy tạo chứng cứ, ép buộc phải nhận tội. Mặc dù cán bộ quản giáo đã nhiều lần động viên, giải thích nhưng bị cáo vẫn không có chuyển biến và tiếp tục có hành vi chống đối, kêu oan. Do đó, để xác định đúng năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo, đảm bảo giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, cần tiến hành thu thập hồ sơ bệnh án và xác minh thông qua những người đã từng giam giữ chung bị cáo B để xem xét đánh giá bị cáo B có dấu hiệu bị bệnh tâm thần hay không, nếu có dấu hiệu bị bệnh tâm thần thì phải trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo B.

Về định giá tài sản: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ biên bản định giá tài sản để xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Hồ sơ vụ án thể hiện không có kết luận

định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngoài ra, hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở nhiều địa phương và bị nhiều Tòa án xét xử, cần thu thập lời khai của các bị cáo trong hồ sơ các vụ án khác (phải đối chiếu bản chính) để xác định các bị cáo có khai nhận về hành vi cướp tài sản của bị hại K tại phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương hay không.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà tại Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã T để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại là có căn cứ.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên các bị cáo B, T, D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 230/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T đối với các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Cao T, Trần Minh D, Nguyễn Thành Đ và Hồ Mạnh H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Cao T và Trần Minh D cho đến khi Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T thụ lý lại vụ án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Cao T và Trần Minh D không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thị xã T;	2
- VKSND thị xã T;	1
- Chi cục THADS thị xã T;	1
- CQCSĐT CA thị xã T;	1
- Bị cáo;	5
- Bị hại;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu hồ sơ vụ án.	1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Hoàng

